

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31/3/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tâm và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-HN&GD ngày 07 tháng 02 năm 2022; về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm: 1989; địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lò Văn H; sinh năm: 1986; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên; địa chỉ: C1, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 01 năm 2022, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H chung sống với nhau như vợ chồng và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 2008, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/3/2011. Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2012, đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, hay cãi nhau, anh H hay mang tài sản của gia đình đi cầm cố để đánh bạc. Không những chơi bời, cờ bạc mà anh H còn nghiện ma túy, đến năm 2016 thì

chị T phát hiện nhưng lúc đó đã nghiện ma túy nặng. Năm 2018, anh H đã tự mình bán mảnh đất của gia đình đi lấy tiền tiêu xài cá nhân, gia đình khuyên bảo nhưng anh H không nghe. Cũng chính từ việc anh H không tu trí làm ăn, chỉ chơi bời và đi vào con đường tệ nạn xã hội dẫn đến gia đình tan vỡ. Vì không thể sống chung với anh H, nên tháng 3/2018 chị T đã sống ly thân với anh H. Đến ngày 29/6/2021, anh H đã bị đưa đi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên. Thời gian không chung sống với nhau đã kéo dài, giữa chị T và anh H không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H có 02 con chung, cháu Lò Thị Phương O; sinh ngày 10/3/2009 và cháu Lò Huy Đ; sinh ngày 05/11/2010. Hiện tại, các cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị giải quyết giao cả hai người con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Hiện tại anh H đang cai nghiện tại Trung tâm, không có thu nhập nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Chị T và anh H không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T, đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết, do hiện tại anh H đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên; nên Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo đã trực tiếp đến Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2022, anh Lò Văn H đã khai như sau:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn H và chị Lò Thị T chung sống với nhau từ năm 2008, nhưng đến ngày 14/3/2011 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống giữa vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2013, thì nảy sinh mâu thuẫn. Anh H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không làm chủ được bản thân, đi chơi cùng bạn bè, dẫn đến đi vào con đường tệ nạn xã hội nghiện ma túy. Chị T xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H có 02 người con chung, là cháu Lò Thị Phương O; sinh ngày 10/3/2009 và cháu Lò Huy Đ; sinh ngày 05/11/2010. Sau ly hôn, anh H đồng ý giao cả hai người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay anh H chưa có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản và nợ: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ khai nguyện vọng của cháu Lò Thị Phương O và cháu Lò Huy Đ đều có ý kiến, nguyện vọng được ở với chị Lò Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị T ly hôn với anh Lò Văn H; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Thị Phương O; sinh ngày 10/3/2009 và cháu Lò Huy Đ; sinh ngày 05/11/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh Lò Văn H chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T, do chị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi của chị Lò Thị T với anh Lò Văn H thì được xác định là vụ án khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh H có nơi ĐKKHKT tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Quá trình nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T và anh H có đơn xin vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H có thời gian sống chung với nhau từ năm 2008 và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/3/2011. Anh, chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ. Hơn nữa anh H còn sử dụng ma túy, mặc dù được gia đình khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Cũng chính từ việc sử dụng ma túy, nên ngày 29/6/2021 anh H đã bị áp

dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Điện Biên. Vì không chịu được cuộc sống không có sự yêu thương, chia sẻ và cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con từ anh H; nên đến tháng 3/2018 chị T đã sống ly thân với anh H. Trong thời gian anh H đi cai nghiện, chị T cũng không thăm hỏi anh H, vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh H. Ngoài lời khai của chị T, thì chính anh H cũng thừa nhận; hôn nhân của anh chị mâu thuẫn cũng là do anh H sử dụng ma túy, thời gian vợ chồng không còn sống chung đã lâu, nên chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn. Để đảm bảo xác định tình trạng hôn nhân của hai anh chị được khách quan, toàn diện; Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị đã có mâu thuẫn, từ năm 2018 đã không còn sống chung, nguyên nhân xuất phát từ việc anh H nghiện ma túy. Do đó HĐXX thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn H đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị T, anh Lò Văn H, nguyện vọng của cháu O và cháu Đ thì thấy: Việc giao nuôi con chung cho chị T là hoàn toàn phù hợp, để đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu O và cháu Đ cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Vì chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và xét thấy anh H hiện nay đang cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con; các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị T đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Phương O; sinh ngày 10/3/2009 và cháu Lò Huy Đ; sinh ngày 05/11/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

